



hóu zi

猴子

Noun · monkey

Example Sentences

hóu zi zài shù shàng

猴子在树上。

The monkey is in the tree.

dòng wù yuán lǐ de hóu zi hěn kě ài

动物园里的猴子很可爱。

The monkeys in the zoo are very cute.

nǐ shì fǒu rèn wéi hóu zi néng gòu lǐ jiě rén lèi de jiǎn dān zhǐ lìng

你是否认为猴子能够理解人类的简单指令？

Do you think monkeys can understand simple human commands?

Trace each character, then write the word on your own.

猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴
猴	猴	猴	猴							

子	子	子	子	子	子					